

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 30
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK - GP ngày 03 tháng 12 năm 2007, được điều chỉnh theo các Giấy phép điều chỉnh số 269/UBCK - GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19/10/2009 về đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam; Giấy phép điều chỉnh số 45/GPDC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/08/2011 về đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM; và Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 28/11/2011 về tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 200.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 2, Tòa nhà Handico, Số 34 Hai Bà Trưng, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch
Ông Hoàng Đình Kế	Thành viên
Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Đình Kế	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2015)
Ông Hoàng Đình Kế	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2015)
Bà Vũ Cẩm La Hương	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 24 tháng 02 năm 2015)
Bà Vũ Cẩm La Hương	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2015)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phùng Thị Kim Anh	Trưởng ban	
Ông Phạm Quốc Tuệ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2015)
Ông Trần Kiên Cường	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2015)
Ông Lê Đức Dũng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2015)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Phạm Thị Hình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2016

Số: 52 /2016/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM được lập ngày 04 tháng 02 năm 2016, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về các vấn đề sau:

- Tại thời điểm 31/12/2015, số dư khoản tạm ứng phải thu của các cá nhân Phạm Thị Hinh - Chủ tịch HĐQT, ông Lê Hữu Lộc - Thành viên HĐQT và bà Phạm Thị Hằng - Nhân viên phòng Tư vấn, cổ đông góp vốn lần lượt là 17 tỷ đồng, 15 tỷ đồng và 20 tỷ đồng. Các khoản tạm ứng này có mục đích mua 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành, 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng và 3.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Đông Hà theo ủy quyền của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2015, quá trình làm các thủ tục để mua các cổ phiếu này vẫn chưa hoàn thành. Tổng giá trị các khoản tạm ứng trên vượt 20% vốn chủ sở hữu của Công ty. (Chi tiết xem Thuyết minh số 08 trên Báo cáo tài chính kèm theo).
- Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và cổ phiếu chưa niêm yết với tổng giá trị là 110 tỷ đồng, do không có cơ sở xác định giá trị thị trường của các chứng khoán này. (Chi tiết xem Thuyết minh số 05 và Thuyết minh số 12 trên Báo cáo tài chính kèm theo).

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC với ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh về khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu chiếm 25% vốn chủ sở hữu; tạm ứng cho cá nhân bà Phạm Thị Hinh - Chủ tịch HĐQT để mua cổ phần theo ủy quyền của HĐQT và đến thời điểm 31/12/2014, quá trình làm các thủ tục mua cổ phiếu chưa hoàn thành và không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào trái phiếu chưa niêm yết do không có cơ sở xác định giá trị thị trường.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Diệu Trang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0938-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		99.649.314.820	49.786.235.465
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	6.284.020.406	23.395.217.672
111	1. Tiền		6.284.020.406	23.395.217.672
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	40.070.020.000	88.310.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		40.091.280.000	88.310.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(21.260.000)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	972.177.942	176.362.322
131	1. Phải thu của khách hàng		773.000.000	-
132	2. Trả trước cho người bán		224.400.000	204.400.000
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		4.285.020	-
138	5. Các khoản phải thu khác		1.166.850.208	1.168.319.608
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.196.357.286)	(1.196.357.286)
140	IV. Hàng tồn kho	7	137.961.923	565.998.250
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		52.185.134.549	25.560.347.221
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		19.729.408	238.753.561
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	52.165.405.141	25.321.593.660
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		109.246.625.510	156.408.854.326
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	9	7.336.180.561	3.705.833.336
218	4. Phải thu dài hạn khác		7.336.180.561	3.705.833.336
220	II. Tài sản cố định		146.333.062	239.823.058
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	14.388.606	24.545.274
222	- Nguyên giá		3.318.712.723	3.318.712.723
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.304.324.117)	(3.294.167.449)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	131.944.456	215.277.784
228	- Nguyên giá		4.989.533.184	4.989.533.184
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.857.588.728)	(4.774.255.400)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	100.000.000.000	150.000.000.000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		100.000.000.000	150.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.764.111.887	2.463.197.932
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	209.009.097	670.725.041
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	1.352.228.039	1.276.598.140
268	4. Tài sản dài hạn khác	15	202.874.751	515.874.751
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		208.895.940.330	206.195.089.791

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		7.565.362.194	4.937.641.175
310	I. Nợ ngắn hạn		7.565.362.194	4.937.641.175
312	2. Phải trả người bán		263.019.284	453.194.660
313	3. Người mua trả tiền trước		23.000.000	438.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	198.901.344	56.401.475
315	5. Phải trả người lao động		-	288.000.000
316	6. Chi phí phải trả	17	604.903.670	309.898.760
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	470.775.931	120.386.385
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	6.004.705.423	3.271.703.353
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		56.542	56.542
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		201.330.578.136	201.257.448.616
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	201.330.578.136	201.257.448.616
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		87.438.309	87.438.309
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		374.602.410	374.068.731
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		141.430.149	140.896.470
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		727.107.268	655.045.106
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		208.895.940.330	206.195.089.791

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
006	6. Chứng khoán lưu ký		176.591.090.000	99.249.940.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		176.587.140.000	35.141.410.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		56.020.500.000	450.000.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		120.499.580.000	34.624.350.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		67.060.000	67.060.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		-	64.048.530.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		-	64.048.530.000
017	6.3. Chứng khoán tạm dừng chuyển nhượng		3.450.000	-
019	- Chứng khoán tạm dừng chuyển nhượng của khách hàng trong nước		3.450.000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		500.000	60.000.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		500.000	60.000.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		72.618.350.000	520.390.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		72.618.350.000	520.390.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		72.618.350.000	520.390.000

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thái Thị Thu Hiền

Nguyễn Thị Thanh Vân


Phạm Thị Hinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
01	1. Doanh thu	21	9.651.483.129	22.439.375.441
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		269.266.334	693.878.723
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		7.325.347.225	20.831.452.388
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		1.830.909.091	795.454.545
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		31.399.736	14.732.439
01.9	Doanh thu khác		194.560.743	103.857.346
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	21	9.651.483.129	22.439.375.441
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	22	2.356.232.455	15.155.636.500
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		7.295.250.674	7.283.738.941
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	6.739.807.690	7.052.420.063
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		555.442.984	231.318.878
31	8. Thu nhập khác		-	13.289.758
32	9. Chi phí khác	24	451.502.491	32.078.588
40	10. Lợi nhuận khác		(451.502.491)	(18.788.830)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		103.940.493	212.530.048
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	93.266.908	46.756.611
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>10.673.585</u>	<u>165.773.437</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	0,53	8,29

Người lập biểu



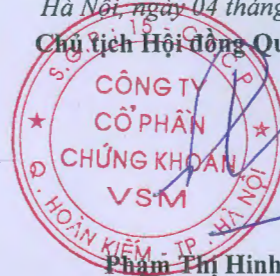
Thái Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Vân

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2016
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phạm Thị Hình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN				
01	1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		1.242.369.023	1.968.303.476
02	2. Tiền chi hoạt động kinh doanh		(40.582.944.631)	(734.720.800)
06	4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng		160.765.778.152	234.493.169.496
07	5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng		(158.062.151.708)	(236.511.583.231)
10	8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(3.607.676.109)	(4.716.177.038)
11	9. Tiền chi trả cho người lao động		(2.931.358.050)	(3.920.841.917)
13	11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(32.906.347)	(19.656.652)
14	12. Tiền thu khác		240.369.714.631	283.506.462.275
15	13. Tiền chi khác		(267.983.876.581)	(309.457.056.767)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(70.823.051.620)	(35.392.101.158)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(30.470.000)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(45.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	72.655.824.643
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(67.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		50.000.000.000	27.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.711.854.354	20.752.698.788
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		53.711.854.354	8.378.053.431
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(17.111.197.266)	(27.014.047.727)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		23.395.217.672	50.409.265.399
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>6.284.020.406</u>	<u>23.395.217.672</u>

Người lập biểu

Thái Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vân

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phạm Thị Hình

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2015

Năm 2015	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	-	-	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		87.438.309	-	-	87.438.309
Quỹ dự phòng tài chính		374.068.731	533.679	-	374.602.410
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		140.896.470	533.679	-	141.430.149
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		655.045.106	73.129.520	(1.067.358)	727.107.268
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	201.257.448.616	74.196.878	(1.067.358)	201.330.578.136

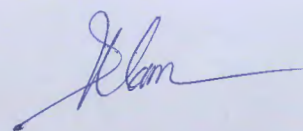
Năm 2014	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	-	-	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		87.438.309	-	-	87.438.309
Quỹ dự phòng tài chính		365.780.059	8.288.672	-	374.068.731
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		132.607.798	8.288.672	-	140.896.470
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		505.849.013	165.773.437	(16.577.344)	655.045.106
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	201.091.675.179	182.350.781	(16.577.344)	201.257.448.616

Người lập biểu



Thái Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Vân

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phạm Thị Hinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK - GP ngày 03 tháng 12 năm 2007, được điều chỉnh theo các Giấy phép điều chỉnh số 269/UBCK - GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19/10/2009 về đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam; Giấy phép điều chỉnh số 45/GPDC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/08/2011 về đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM; và Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 28/11/2011 về tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 200.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 2, Tòa nhà Handico, Số 34 Hai Bà Trưng, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND; tương đương với 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Ngày 30/12/2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 sửa đổi bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

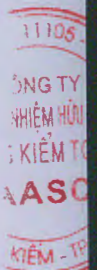
Phương pháp xác định giá trị dở dang của Hợp đồng tư vấn: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng Hợp đồng chưa hoàn thành.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc thiết bị	03 - 05 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm



2.8 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.10 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tính thuế.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	15.557.050	62.002.970.000
- Cổ phiếu	15.557.050	62.002.970.000
Của người đầu tư	44.025.590	140.890.703.500
- Cổ phiếu	44.025.590	140.890.703.500
	59.582.640	202.893.673.500

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	21.243.649	61.867.061
Tiền gửi ngân hàng	306.605.002	20.066.661.739
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	5.956.171.755	3.266.688.872
	6.284.020.406	23.395.217.672



5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại	6.602.050	45.000	40.091.280.000	88.310.000	-	87.190.000	(21.260.000)	-	40.070.020.000	175.500.000
Cổ phiếu chưa niêm yết										
- Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến khoáng sản Yên Bái (i)	1.000.000	-	10.000.000.000	-					10.000.000.000	
Cổ phiếu niêm yết sàn HNX										
- KHL	45.000	45.000	88.310.000	88.310.000	-	87.190.000	(20.810.000)	-	67.500.000	175.500.000
- KSK	1.500	-	3.000.000	-	-	-	(450.000)	-	2.550.000	-
Cổ phiếu niêm yết sàn HOSE										
- KSA	5.555.550	-	29.999.970.000	-	-	-	-	-	29.999.970.000	-
TỔNG CỘNG	6.602.050	45.000	40.091.280.000	88.310.000	-	87.190.000	(21.260.000)	-	40.070.020.000	175.500.000

(i): Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến khoáng sản Yên Bái (chưa niêm yết), dự phòng giảm giá chứng khoán chưa được trích lập do chưa xác định được giá thị trường của cổ phiếu này.

7 . HÀNG TỒN KHO

Đây là các chi phí liên quan đến các Hợp đồng tư vấn (tư vấn niêm yết, tư vấn tài chính, tư vấn cổ phần hóa...). Tại thời điểm 31/12/2015, các hợp đồng này vẫn đang thực hiện, chưa hoàn thành.

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tạm ứng (*)	52.165.405.141	25.311.593.660
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	10.000.000
	52.165.405.141	25.321.593.660

(*) Trong đó:

- Số dư tạm ứng của Bà Phạm Thị Hinh tại ngày 31/12/2015 là 17.000.000.000 VND. Khoản tạm ứng phát sinh ngày 29/12/2015 nhằm mục đích mua 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành theo ủy quyền của HĐQT và được đảm bảo khả năng thu hồi bằng phong tỏa/ thực hiện bán 1.118.000 cổ phiếu KHB, 2.189.450 cổ phiếu KSG và 1.220.000 cổ phiếu KSA thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Hinh đang lưu ký tại VSM hoặc toàn quyền sử dụng số cổ phần VSM mà Bà Hinh nắm giữ (2.880.000 cổ phần).
- Số dư tạm ứng của Ông Lê Hữu Lộc tại ngày 31/12/2015 là 15.000.000.000 VND. Khoản tạm ứng phát sinh ngày 29/12/2015 nhằm mục đích mua 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khai khoáng theo ủy quyền của HĐQT và được đảm bảo khả năng thu hồi bằng phong tỏa/ thực hiện bán 1.100.000 cổ phiếu KHB thuộc sở hữu của Ông Lê Hữu Lộc đang lưu ký tại VSM và/hoặc toàn quyền sử dụng số cổ phần VSM mà Ông Lộc đại diện nắm giữ (1.120.500 cổ phần).
- Số dư tạm ứng của Bà Phạm Thị Hằng tại ngày 31/12/2015 là 20.000.000.000 VND. Khoản tạm ứng phát sinh ngày 29/12/2015 có mục đích mua 3.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Đông Hà theo ủy quyền của Hội đồng Quản trị và được đảm bảo khả năng thu hồi bằng số cổ phần VSM mà Bà Hằng nắm giữ (5.397.500 cổ phần) để chuyển nhượng nhằm thu hồi khoản tạm ứng trong trường hợp rủi ro xảy ra.
Thời gian hoàn ứng của các khoản tạm ứng trên là 90 ngày kể từ ngày tạm ứng.

9 . CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Lãi trái phiếu dự thu (chi tiết xem Thuyết minh số 12)	7.336.180.561	3.705.833.336
	7.336.180.561	3.705.833.336

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	30.470.000	3.288.242.723	3.318.712.723
Số dư cuối năm	30.470.000	3.288.242.723	3.318.712.723
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.924.726	3.288.242.723	3.294.167.449
Số tăng trong năm	10.156.668	-	10.156.668
- Trích khấu hao	10.156.668	-	10.156.668
Số dư cuối năm	16.081.394	3.288.242.723	3.304.324.117
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	24.545.274	-	24.545.274
Tại ngày cuối năm	14.388.606	-	14.388.606

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 3.288.242.723 VND

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính, phần mềm giao dịch với tổng nguyên giá là 4.989.533.184 đồng, hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2015 là 4.857.588.728 đồng, trong đó khấu hao trong năm 2015 là 83.333.328 đồng. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã hết khấu hao còn sử dụng là: 4.739.533.184 đồng.

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Đầu tư dài hạn	100.000.000.000	150.000.000.000
Trái phiếu Công ty CP Phương Trung (i)	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu (DCS)	-	50.000.000.000
	100.000.000.000	150.000.000.000

(i): Trái phiếu Công ty Cổ phần Phương Trung được mua lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VDI với số lượng 85 trái phiếu; Mệnh giá 1 tỷ VND/ trái phiếu; Kỳ hạn 5 năm, ngày phát hành là 24/10/2011, ngày đáo hạn là 24/10/2016; Tổng giá mua trái phiếu là 100 tỷ đồng. Theo thỏa thuận giữa hai bên, lãi suất được điều chỉnh là 8,5% từ ngày 01/01/2015 cho đến khi tất toán hợp đồng hoặc đến khi các bên có thỏa thuận khác thay thế. Trái phiếu được đảm bảo bằng tín chấp. Theo hợp đồng cam kết mua trái phiếu số 02/2012/PT-VSM và phụ lục hợp đồng số 02/2012/PLHĐ/PT-VSM, Công ty Cổ phần Phương Trung cam kết mua lại toàn bộ số trái phiếu và số lãi phát sinh từ trái phiếu này mà Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM (VSM) chưa được thanh toán vào ngày đáo hạn của trái phiếu với giá chuyển nhượng là 100 tỷ đồng cộng (+) khoản lãi phát sinh của trái phiếu mà VSM chưa được thanh toán. Giá trị khoản đầu tư trái phiếu và lãi trái phiếu tại ngày 31/12/2015 lần lượt là: 100.000.000.000 VND và 7.336.180.561 VND. Do không thể xác định được giá trị thị trường của trái phiếu này tại ngày 31/12/2015 nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá trái phiếu.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	670.725.041	70.641.566
Số tăng trong năm	7.495.600	902.979.140
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(469.211.544)	(302.895.665)
Số dư cuối năm	209.009.097	670.725.041
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	75.067.854	223.290.696
Chi phí sửa chữa văn phòng chờ phân bổ	124.751.227	424.154.178
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.190.016	23.280.167
	209.009.097	670.725.041



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, Số 34 Hai Bà Trưng, Phường
Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	836.970.381	836.970.381
Tiền lãi lũy kế	395.257.658	319.627.759
Số dư cuối năm	1.352.228.039	1.276.598.140

15 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	202.874.751	515.874.751
	202.874.751	515.874.751

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	80.305.557	11.671.886
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	93.266.908	32.906.347
Thuế Thu nhập cá nhân	25.328.879	11.823.242
	198.901.344	56.401.475

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng, điện, nước, cước viễn thông	534.903.670	239.898.760
Chi phí phải trả khác	70.000.000	70.000.000
	604.903.670	309.898.760

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	120.717.000	30.446.000
Bảo hiểm y tế	4.644.000	1.806.519
Bảo hiểm thất nghiệp	2.064.000	2.342.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	343.350.931	85.791.866
- Phải trả Ủy ban chứng khoán tiền phạt vi phạm hành chính	320.000.000	-
- Phải trả khác	23.350.931	85.791.866
	470.775.931	120.386.385

19 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	34.609.180	811.874
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	13.924.488	4.202.607
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	5.956.171.755	3.266.688.872
	6.004.705.423	3.271.703.353

20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 1

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Bà Phạm Thị Hinh	14,40%	28.800.000.000	14,40%	28.800.000.000
Bà Trần Thị Hạnh	14,40%	28.800.000.000	14,40%	28.800.000.000
Bà Phạm Thị Hằng	26,99%	53.975.000.000	26,99%	53.975.000.000
Ông Phạm Quốc Tuệ	5,74%	11.475.000.000	5,74%	11.475.000.000
Công ty Cổ phần Phương Trung	5,60%	11.205.000.000	5,60%	11.205.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	7,25%	14.500.000.000	7,25%	14.500.000.000
Ông Lâm Hoàng Giang	13,05%	26.095.000.000	13,05%	26.095.000.000
Ông Hoàng Đình Kế	12,57%	25.150.000.000	12,57%	25.150.000.000
	100%	200.000.000.000	100%	200.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	9.651.483.129	22.439.375.441
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	269.266.334	693.878.723
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn.	7.325.347.225	20.831.452.388
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.830.909.091	795.454.545
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	31.399.736	14.732.439
- Doanh thu khác	194.560.743	103.857.346
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	9.651.483.129	22.439.375.441

22 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	836.844.801	871.084.831
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	13.823.974.944
Chi phí dự phòng	21.260.000	-
Chi phí hoạt động tư vấn	1.394.535.267	403.540.084
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	95.809.456	46.916.820
Chi phí khác	7.782.931	10.119.821
	2.356.232.455	15.155.636.500

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.850.945.094	3.755.940.364
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	658.822.529	488.500.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	93.489.996	560.165.035
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	274.121.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác bằng tiền	3.133.550.071	1.970.692.568
	6.739.807.690	7.052.420.063

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán	320.000.000	-
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	129.420.154	-
Chi phí khác	2.082.337	32.078.588
	451.502.491	32.078.588

11/05
CÔNG T
NHÌEM
NG KIỂM
AA
DAN KIỂM

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	103.940.493	212.530.048
Các khoản điều chỉnh tăng	320.000.000	-
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	320.000.000	-
Tổng thu nhập tính thuế	423.940.493	212.530.048
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	93.266.908	46.756.611
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	32.906.347	5.806.388
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(32.906.347)	(19.656.652)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	93.266.908	32.906.347

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	10.673.585	165.773.437
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.673.585	165.773.437
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0,53	8,29

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.284.020.406	-	23.395.217.672	-
Các khoản phải thu (i)	9.280.315.789	(1.046.957.286)	4.874.152.944	(1.046.957.286)
Đầu tư ngắn hạn	40.091.280.000	(21.260.000)	88.310.000	-
Đầu tư dài hạn	100.000.000.000	-	150.000.000.000	-
	155.655.616.195	(1.068.217.286)	178.357.680.616	(1.046.957.286)

(i): Bao gồm: Phải thu khách hàng, Phải thu hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải thu khác.

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản phải trả (ii)	6.738.500.638	3.845.284.398
Chi phí phải trả	604.903.670	309.898.760
	7.343.404.308	4.155.183.158

(i): Bao gồm: Phải trả người bán, phải trả khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, Số 34 Hai Bà Trưng, Phường
Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015				
Tiền và các khoản trương đương tiền	6.284.020.406	-	-	6.284.020.406
Các khoản phải thu	8.233.358.503	-	-	8.233.358.503
Đầu tư ngắn hạn	40.070.020.000	-	-	40.070.020.000
Đầu tư dài hạn	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
	54.587.398.909	100.000.000.000	-	154.587.398.909
Tại 01/01/2015				
Tiền và các khoản trương đương tiền	23.395.217.672	-	-	23.395.217.672
Các khoản phải thu	121.362.322	3.705.833.336	-	3.827.195.658
Đầu tư ngắn hạn	88.310.000	-	-	88.310.000
Đầu tư dài hạn	-	150.000.000.000	-	150.000.000.000
	23.604.889.994	153.705.833.336	-	177.310.723.330

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015				
Các khoản phải trả	6.738.500.638	-	-	6.738.500.638
Chi phí phải trả	604.903.670	-	-	604.903.670
	7.343.404.308	-	-	7.343.404.308
Tại 01/01/2015				
Các khoản phải trả	3.845.284.398	-	-	3.845.284.398
Chi phí phải trả	309.898.760	-	-	309.898.760
	4.155.183.158	-	-	4.155.183.158

1105
CÔNG TY
KIỂM TRA
KIỂM T
IAS
KIỂM -

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẴM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	5.956.171.755	3.266.688.872
	5.956.171.755	3.266.688.872

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn VND	Hoạt động tư vấn VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	7.325.347.225	1.830.909.091	495.226.813	9.651.483.129
Chi phí trực tiếp	21.260.000	1.394.535.267	940.437.188	2.356.232.455
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.304.087.225	436.373.824	(445.210.375)	7.295.250.674
Tài sản bộ phận	199.427.460.561	1.258.261.101	7.444.629.270	208.130.350.932
Tài sản không phân bổ	-	-	-	765.589.398
Tổng tài sản	199.427.460.561	1.258.261.101	7.444.629.270	208.895.940.330
Nợ phải trả của các bộ phận	-	23.000.000	6.004.705.423	6.027.705.423
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.537.656.771
Tổng nợ phải trả	-	23.000.000	6.004.705.423	7.565.362.194

Theo khu vực địa lý

Các hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tạm ứng			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	120.600.000.000	153.469.000.000
- Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên HĐQT	42.000.000.000	-
- Bà Phạm Thị Hằng	Cổ đông góp vốn	80.000.000.000	-
Nhà đầu tư chuyển tiền vào tài khoản của mình			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	58.011.615.879	144.149.360.000
Nhà đầu tư rút tiền từ tài khoản của mình			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	86.859.581.644	76.151.701.775
Lãi trái phiếu			
- Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	7.325.347.225	6.025.555.558
Chuyển nhượng cổ phiếu DCS			
- Bà Phạm Thị Hằng	Cổ đông góp vốn	50.000.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ			
- Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu	Bên liên quan với HĐQT (i)	189.090.909	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình	Bên liên quan với HĐQT (ii)	109.090.909	80.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu Gia Lai	Bên liên quan với HĐQT (ii)	600.000.000	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Hưng Long	Bên liên quan với HĐQT (ii)	80.000.000	80.000.000
- Công ty CP Công Nghiệp Khoáng Sản Bình Thuận	Bên liên quan với HĐQT (iii)	350.000.000	-

Các giao dịch khác:

- Cam kết mua lại trái phiếu của Công ty Cổ phần Phương Trung, cổ đông của Công ty (xem Thuyết minh số 12).

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu tạm ứng			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	17.000.000.000	25.090.134.581
- Ông Lê Hữu Lộc	Thành viên HĐQT	15.000.000.000	-
- Bà Phạm Thị Hằng	Cổ đông góp vốn	20.000.000.000	-
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán			
- Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	4.716.245.738	1.620.524.784
Đầu tư trái phiếu			
- Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	100.000.000.000	100.000.000.000
Phải thu lãi trái phiếu			
- Công ty Cổ phần Phương Trung	Cổ đông góp vốn	7.336.180.561	3.705.833.336



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 2, Tòa nhà Handico, Số 34 Hai Bà Trưng, Phường
Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phải thu khác hàng

- Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu	Bên liên quan với HDQT (i)	120.000.000	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình	Bên liên quan với HDQT (ii)	80.000.000	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu Gia Lai	Bên liên quan với HDQT (ii)	170.000.000	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Hưng Long	Bên liên quan với HDQT (ii)	48.000.000	-
- Công ty CP Công Nghiệp Khoáng Sản Bình Thuận	Bên liên quan với HDQT (ii)	355.000.000	-

Người mua trả tiền trước

- Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu Gia Lai	Bên liên quan với HDQT (ii)	-	150.000.000
--	-----------------------------	---	-------------

(i): Ông Lê Hữu Lộc là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM đồng thời là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản luyện kim màu.

(ii): Bà Phạm Thị Hinh là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu Gia Lai và Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Hưng Long.

(iii): Bà Phạm Thị Hinh là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty CP Công Nghiệp Khoáng Sản Bình Thuận.

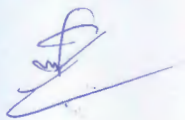
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	898.179.183	1.054.118.182

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Thái Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Vân

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phạm Thị Hinh



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 2, Tòa nhà Handico, Số 34 Hai Bà Trưng, Phường Trảng Tiền, Quận
Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục 1 : BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	200.000.000.000	87.438.309	365.780.059	132.607.798	505.849.013	201.091.675.179
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	165.773.437	165.773.437
Phân phối quỹ	-	-	8.288.672	8.288.672	(16.577.344)	-
Tại ngày 31/12/2014	200.000.000.000	87.438.309	374.068.731	140.896.470	655.045.106	201.257.448.616
Tại ngày 01/01/2015	200.000.000.000	87.438.309	374.068.731	140.896.470	655.045.106	201.257.448.616
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	10.673.585	10.673.585
Phân phối quỹ	-	-	533.679	533.679	(1.067.358)	-
Tăng khác (*)	-	-	-	-	62.455.935	62.455.935
Tại ngày 31/12/2015	200.000.000.000	87.438.309	374.602.410	141.430.149	727.107.268	201.330.578.136

(*): Hoàn nhập khoản thù lao đã trích cho các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2007 - 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/VSM/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/03/2015.

